

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



# CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 49
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 49

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11/01/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Phụng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên
Bà Đặng Thanh Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thông	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc
Ông Điều Quang Trung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng
----------------------	----------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Vũ	Trưởng ban
Bà Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên
Bà Lương Thanh Huyền	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Số: 200320.002/BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC). Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 01 tháng 03 năm 2019.

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Trần Trung Hiếu**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020*

**Lê Kim Yến**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

063  
ÔNG  
Ổ PH  
VỆ TE  
ÀI C  
-TP. H  
TINH  
H

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2019	
			31/12/2019	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>379.573.280.536</b>	<b>506.329.414.906</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>364.526.788.203</b>	<b>488.072.699.734</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	185.689.935.317	282.457.089.435
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.750.429.548	944.073.711
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.331.686.786	1.686.270.191
314	4. Phải trả người lao động		20.739.831.066	27.730.829.848
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.419.160.713	122.132.259
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	12.664.889.171	14.330.871.168
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	126.572.944.944	159.052.131.356
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.357.910.658	1.749.301.766
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>15.046.492.333</b>	<b>18.256.715.172</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	2.830.554.000	3.429.254.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	7.459.132.440	8.258.962.436
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.b	4.756.805.893	6.568.498.736
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>230.426.375.570</b>	<b>216.462.212.255</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>230.426.375.570</b>	<b>216.462.212.255</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		105.300.000.000	105.300.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>105.300.000.000</i>	<i>105.300.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		782.715.818	782.715.818
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22	10.383.254.126	9.280.709.789
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		42.166.551.904	34.603.848.249
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		61.139.381.188	57.830.675.895
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		<i>22.434.194.567</i>	<i>17.557.325.136</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>38.705.186.621</i>	<i>40.273.350.759</i>
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10.654.472.534	8.664.262.504
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>609.999.656.106</b>	<b>722.791.627.161</b>

Bùi Thị Diễm Phúc  
Người lậpBùi Thị Anh Tuyết  
Kế toán trưởngNguyễn Quốc Dũng  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quy, phường Tân Thuận Đông,  
quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.263.391.602.805	1.275.434.170.002
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	28.988.934.588	34.298.883.811
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.234.402.668.217	1.241.135.286.191
11	4. Giá vốn hàng bán	26	974.357.552.395	1.020.485.046.883
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		260.045.115.822	220.650.239.308
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	5.157.968.219	6.059.751.288
22	7. Chi phí tài chính	28	31.382.069.459	26.644.770.333
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.002.103.890	8.299.275.050
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	29	158.067.935.994	125.949.174.745
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	31.773.891.121	31.715.648.128
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.979.187.467	42.400.397.390
31	12. Thu nhập khác	31	9.311.409.374	8.821.396.017
32	13. Chi phí khác	32	1.586.065.210	1.044.734.183
40	14. Lợi nhuận khác		7.725.344.164	7.776.661.834
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.704.531.631	50.177.059.224
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	14.582.265.449	10.133.642.374
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34.c	(2.522.339.489)	485.491.984
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		39.644.605.671	39.557.924.866
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		38.705.186.621	39.211.647.437
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		939.419.050	346.277.429
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	3.676	3.724

Bùi Thị Diễm Phúc  
Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		51.704.531.631	50.177.059.224
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.135.404.724	6.231.372.376
03	- Các khoản dự phòng		(3.065.713.490)	(8.269.723.545)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		168.304.016	(1.014.369.452)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.105.288.940)	(1.245.483.098)
06	- Chi phí lãi vay		8.002.103.890	8.299.275.050
07	- Các khoản điều chỉnh khác		1.218.427.236	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		66.057.769.067	54.178.130.555
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		39.846.984.944	23.066.944.434
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		52.514.060.590	67.661.606.742
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(97.647.478.419)	(195.505.946.825)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		394.359.030	148.619.067
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.902.660.989)	(8.179.302.791)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.395.775.896)	(7.655.717.511)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.562.731.155)	(4.425.577.913)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		39.304.527.172	(70.711.244.242)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.557.527.087)	(12.729.530.949)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		326.549.166	713.454.545
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		962.180.126	371.182.804
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.268.797.795)	(11.644.893.600)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		404.990.559.457	671.046.933.149
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(438.269.575.865)	(576.475.628.645)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.155.229.409)	(2.110.379.329)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.699.158.600)	(18.678.953.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(52.133.404.417)	73.781.971.975
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(17.097.675.040)	(8.574.165.867)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông,  
quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		62.463.771.738	70.528.073.514
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		801.828.882	509.864.091
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>46.167.925.580</u>	<u>62.463.771.738</u>

*Bùi Thị Diễm Phúc*

Bùi Thị Diễm Phúc  
Người lập

*Bùi Thị Ánh Tuyết*

Bùi Thị Ánh Tuyết  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Quốc Dũng*  
Nguyễn Quốc Dũng  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11/01/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 105.300.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 105.300.000.000 đồng; tương đương 10.530.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

#### Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi nhánh Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đà Nẵng (*)	TP. Đà Nẵng	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Tháp (*)	Tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Bạc Liêu (*)	Tỉnh Bạc Liêu	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Kiên Giang (*)	Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Trạm dịch vụ Bảo vệ thực vật	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Khánh Hòa (*)	Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Xí nghiệp Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Tân An (*)	Tỉnh Long An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh An Giang (*)	Tỉnh An Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Myanmar	TP. Yangon, Myanmar	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

(\*) Công ty đã đăng ký tạm ngừng hoạt động thời hạn 01 năm đến hết tháng 07, 08/2020 đối với các chi nhánh này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100%	100%	Kinh doanh thuốc Bảo vệ thực vật
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Cambodia	Vương Quốc Campuchia	100%	100%	Kinh doanh thuốc Bảo vệ thực vật
- Công ty CP Thương mại Mộc Hóa	Tỉnh Long An	61,74%	61,74%	Kinh doanh hàng nông sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn: Trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát tại Công ty cổ phần Thương mại Mộc Hóa thì đây là công ty liên kết của Công ty. Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý mà xác định theo giá gốc. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào các chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân năm tài chính.

## 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

3063  
CÔNG  
CỔ P  
BẢO VỆ  
SÀI  
ĐÔNG 7-

06-C  
NH  
NH  
TOÁN  
S CHỈ

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

### Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Vietinbank;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Vietinbank.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.8 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

### 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	05 năm

### 2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

### 2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

### 2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Phương pháp kế toán đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế: Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

### 2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí khuyến mãi, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.22 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.24 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.25 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành đối với thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 tại các đơn vị như sau:

- Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa: thuế suất 20%;
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào: thuế suất 24%;
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia: thuế suất 01% trên doanh thu tính thuế.

**2.27 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.28 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**2.29 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Do lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh mà chỉ lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	9.431.680.156	21.479.518.546
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.396.310.789	29.984.253.192
Các khoản tương đương tiền (*)	8.339.934.635	11.000.000.000
	<b>46.167.925.580</b>	<b>62.463.771.738</b>

(\*) Tại 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 8.339.934.635 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5 %/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Changzhou Eastchem International	5.918.208.000	-	2.963.712.000	-
- Đại lý Sear Kim Sru	1.922.292.872	-	9.060.099.484	-
- Đại lý Lim Kwon Heng	2.854.496.824	-	2.669.914.080	-
- Đại lý Chhun Hong	853.307.900	-	6.987.744.948	-
- Công ty TNHH Giống cây trồng Hải Anh - Phú Thọ	5.336.218.777	(5.336.218.777)	5.336.218.777	(5.336.218.777)
- Đại lý Phạm Thu Hà	4.733.283.318	(4.733.283.318)	4.733.283.318	(4.733.283.318)
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Thiên An	1.808.872.609	(1.266.210.826)	1.808.872.609	(904.436.304)
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Long Huy Bảo	3.275.568.294	(3.275.568.294)	3.275.568.294	(3.275.568.294)
- Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.389.393.558	(3.389.393.558)	3.389.393.558	(3.389.393.558)
- Cửa hàng Phương Đông	2.337.674.089	(2.337.674.089)	2.337.674.089	(2.337.674.089)
- Cửa hàng bách hóa Nutifood	2.209.574	-	2.033.998.247	-
- Đại lý Đào Ngọc Long (*)	2.025.068.200	-	2.025.068.200	-
- Hộ kinh doanh Sơn Hải	2.623.130.000	-	2.713.130.000	(511.845.900)
- Đinh Thị Kim Hồng	1.129.302.400	-	1.121.622.400	-
- Shopping Centre Kiến Tường	5.089.117	-	218.152.942	-
- Phải thu khách hàng khác	112.604.973.405	(4.827.785.024)	139.546.714.432	(5.540.174.009)
	<b>150.819.088.937</b>	<b>(25.166.133.886)</b>	<b>190.221.167.378</b>	<b>(26.028.594.249)</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>5.892.117</b>	-	<b>218.152.942</b>	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

(\*) Đây là khoản công nợ phải thu phát sinh tại Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty con đang nắm giữ quyền sử dụng đất bao gồm 35.340 m2 đất (gồm 80 m2 đất ở tại nông thôn và 35.260 m2 đất chuyên trồng lúa nước) giao cho 2 cá nhân là Ông Nguyễn Văn Tiếp (nguyên Giám đốc Công ty) và Ông Nguyễn Văn Bé Hải là Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản phân công người quản lý tài sản của Công ty ngày 01/04/2015 và ngày 11/12/2017. Đây là toàn bộ diện tích đất được Đại lý Đào Ngọc Long chuyển nhượng đề nghị cân trừ nợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Trả trước tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*)	3.726.202.000	-	3.726.202.000	-
- Công ty TNHH Thương mại - Kỹ thuật Song Hiệp Lợi	1.121.612.800	-	1.110.185.560	-
- Close Friend Co., Ltd	419.760.000	-	419.760.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.892.100.067	(160.400.000)	2.280.063.249	(160.400.000)
	<b>7.159.674.867</b>	<b>(160.400.000)</b>	<b>7.536.210.809</b>	<b>(160.400.000)</b>

(\*) Công ty con - Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa trả trước tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng các khu đất nông nghiệp cho cá nhân để thực hiện đầu tư dự án khu liên hiệp nông nghiệp. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được Công ty nắm giữ và Công ty đang hoàn tất các thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty.

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.492.872	-	-	-
- Tạm ứng	2.225.218.606	-	2.726.876.825	(33.715.532)
- Ký cược, ký quỹ	314.746.728	-	126.802.664	-
- Phải thu khuyến mãi	3.258.607.800	-	2.435.800.800	-
- Nguyễn Văn Giúp	3.485.588.985	(3.485.588.985)	3.485.588.985	(3.321.360.485)
- Thuế GTGT được hoàn	9.278.649.971	-	-	-
- Phải thu hợp tác kinh doanh (*)	2.097.622.052	-	4.062.243.971	-
- Phải thu khác	1.819.554.059	(102.762.327)	3.411.463.051	(56.105.968)
	<b>22.508.481.073</b>	<b>(3.588.351.312)</b>	<b>16.248.776.296</b>	<b>(3.411.181.985)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	1.347.671.000	-	2.292.570.865	-
	<b>1.347.671.000</b>	<b>-</b>	<b>2.292.570.865</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**

(\*) Đây là khoản phải thu về hợp tác kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa, bao gồm:

(1) Khoản góp vốn liên doanh vào Hộ kinh doanh Shopping Centre Kiến Tường theo Hợp đồng Liên doanh số 02.2013/HDLLD ngày 19/08/2013 và Phụ lục Hợp đồng liên doanh số 01/PLHD.2014 ký ngày 01/12/2014, biên bản làm việc ngày 31/12/2019 với số tiền góp vốn còn lại là 983.231.199 đồng. Mục đích kinh doanh bách hóa, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.

(2) Khoản góp vốn liên doanh vào Cơ sở sản xuất Nước Việt theo Hợp đồng liên doanh số 2.2015/HDLLD ký ngày 15/10/2015, Phụ lục hợp đồng số 01.2016/PLHD ngày 01/12/2016 với số tiền góp vốn còn lại là 1.140.283.782 đồng. Mục đích kinh doanh sản xuất nước đá, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.

**7 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ**

	31/12/2019	01/01/2019
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
- Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý	231.783.597	202.142.032
- Tài sản khác	-	21.527.233
	<b>231.783.597</b>	<b>223.669.265</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Thiên An	1.808.872.609	542.661.783	1.808.872.609	904.436.305
- Công ty TNHH Giống cây trồng Hải Anh - Phú Thọ	5.336.218.777	-	5.336.218.777	-
- Đại lý Phạm Thu Hà	4.733.283.318	-	4.733.283.318	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Long Huy Bảo	3.275.568.294	-	3.275.568.294	-
- Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.389.393.558	-	3.389.393.558	-
- Cửa hàng Phương Đông	2.337.674.089	-	2.337.674.089	-
- Nguyễn Văn Giúp	3.485.588.985	-	3.485.588.985	-
- Đại lý Đào Ngọc Long	2.025.068.200	2.025.068.200	2.025.068.200	2.025.068.200
- Các khoản khác	6.398.192.750	1.307.245.399	44.023.879.938	37.885.867.029
	<b>32.789.860.580</b>	<b>3.874.975.382</b>	<b>70.415.547.768</b>	<b>40.815.371.534</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	11.287.894.977	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	79.653.724.305	-	143.396.984.190	-
Công cụ, dụng cụ	310.623.120	-	384.644.754	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.322.500	-	-	-
Thành phẩm	203.885.227.723	(6.798.270.072)	194.940.009.152	(9.942.403.331)
Hàng hoá	57.596.510.954	(343.522.846)	66.424.428.459	-
Hàng gửi đi bán	21.321.971	-	-	-
	<b>352.843.625.550</b>	<b>(7.141.792.918)</b>	<b>405.146.066.555</b>	<b>(9.942.403.331)</b>

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 3.114.047.803 đồng;

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: hàng tồn kho mất phẩm chất chủ yếu là hàng cận hạn, quá hạn sử dụng, hàng hư hỏng (bể chai, bao bì bị bục xỉ...). Các hàng tồn kho là hóa chất sẽ được Công ty thuê ngoài để xử lý đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên môi trường về xử lý chất thải nguy hại, riêng đối với các công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu khác sẽ được Công ty tận dụng hoặc bán thanh lý;

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 289.239.545.082 VND (xem thuyết minh số 20 - Vay và nợ thuê tài chính).

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2019	01/01/2019 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>Mua sắm</b>	<b>86.100.000</b>	<b>185.552.990</b>
- Máy móc thiết bị	86.100.000	185.552.990
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>634.574.430</b>	<b>815.973.806</b>
- Dự án kho Long An	407.320.574	407.320.574
- Dự án kho mở rộng Cần Thơ	158.386.306	158.386.306
- Công trình phục vụ nông nghiệp dự án 7,3 ha, khu phố 10, phường 12, thị xã Kiến Tường	68.867.550	68.867.550
- Chi phí sửa chữa văn phòng công ty	-	181.399.376
- Tài sản khác	68.778.700	-
	<b>789.453.130</b>	<b>1.001.526.796</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm (Đã điều chỉnh)	62.778.401.499	36.984.573.804	30.819.132.884	3.050.645.697	1.272.189.696	134.904.943.580
- Mua trong năm	-	2.440.222.945	1.558.058.113	-	-	3.998.281.058
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.596.319.695	-	-	-	-	1.596.319.695
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	1.301.199.000	-	-	-	1.301.199.000
- Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo	-	(2.039.881)	(84.983.098)	-	-	(87.022.979)
- Thanh lý, nhượng bán	(307.000.000)	(562.556.678)	(650.073.522)	(446.039.629)	-	(1.965.669.829)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>64.067.721.194</b>	<b>40.161.399.190</b>	<b>31.642.134.377</b>	<b>2.604.606.068</b>	<b>1.272.189.696</b>	<b>139.748.050.525</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm (Đã điều chỉnh)	42.178.406.476	30.744.981.930	25.225.416.104	2.890.423.729	1.225.104.517	102.264.332.756
- Khấu hao trong năm	3.108.677.400	1.948.272.128	1.819.527.799	43.047.120	29.355.552	6.948.879.999
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	661.069.927	-	-	-	661.069.927
- Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo	-	(2.039.881)	(91.494.764)	-	-	(93.534.645)
- Thanh lý, nhượng bán	(86.983.339)	(535.262.034)	(650.073.522)	(446.039.629)	-	(1.718.358.524)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>45.200.100.537</b>	<b>32.817.022.070</b>	<b>26.303.375.617</b>	<b>2.487.431.220</b>	<b>1.254.460.069</b>	<b>108.062.389.513</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	20.599.995.023	6.239.591.874	5.593.716.780	160.221.968	47.085.179	32.640.610.824
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>18.867.620.657</b>	<b>7.344.377.120</b>	<b>5.338.758.760</b>	<b>117.174.848</b>	<b>17.729.627</b>	<b>31.685.661.012</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.546.142.212 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 79.595.933.750 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.023.813.590	3.034.114.020	6.057.927.610
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.301.199.000)	-	(1.301.199.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.722.614.590</b>	<b>3.034.114.020</b>	<b>4.756.728.610</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.355.355.450	303.411.390	1.658.766.840
- Trích khấu hao	457.354.123	606.822.780	1.064.176.903
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(661.069.927)	-	(661.069.927)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.151.639.646</b>	<b>910.234.170</b>	<b>2.061.873.816</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.668.458.140	2.730.702.630	4.399.160.770
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>570.974.944</b>	<b>2.123.879.850</b>	<b>2.694.854.794</b>

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	7.999.969.934	553.278.868	533.175.000	9.086.423.802
- Mua trong năm	-	175.000.000	-	175.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.999.969.934</b>	<b>728.278.868</b>	<b>533.175.000</b>	<b>9.261.423.802</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.324.612.498	553.278.868	533.175.000	3.411.066.366
- Khấu hao trong năm	364.719.648	2.916.667	-	367.636.315
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.689.332.146</b>	<b>556.195.535</b>	<b>533.175.000</b>	<b>3.778.702.681</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	5.675.357.436	-	-	5.675.357.436
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>5.310.637.788</b>	<b>172.083.333</b>	<b>-</b>	<b>5.482.721.121</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1,086,453,868 VND.

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là Nhà cửa vật kiến trúc tại Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào đang cho thuê với nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2019 lần lượt là: 4.195.053.709 VND và 2.417.809.206 VND. Trong đó, khấu hao trong năm là 290.022.715 VND, chênh lệch do chuyển đổi BCTC là (160.680.974) đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	354.068.797	765.897.635
Chi phí bảo hiểm	355.158.000	604.672.537
Chi phí thuê kho	493.197.000	166.772.754
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	84.162.307	328.018.522
	<u><b>1.286.586.104</b></u>	<u><b>1.865.361.448</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	14.405.352.671	14.870.041.463
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	233.867.968	240.634.197
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.465.281.487	1.840.392.577
Chi phí cải tạo đất thuê tại Lào	457.263.123	522.039.952
Chi phí trả trước dài hạn khác	179.181.110	548.110.648
	<u><b>17.740.946.359</b></u>	<u><b>18.021.218.837</b></u>

(\*) Đây là khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m<sup>2</sup> thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐTD.05 ngày 27/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 06 năm 2005.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Kolon Global Corporation	15.535.778.496	15.535.778.496	10.674.563.200	10.674.563.200
- Nongfeng Agrochem Co.,Ltd	-	-	31.877.007	31.877.007
- Changzhou Eastchem International	14.712.649.056	14.712.649.056	25.935.562.200	25.935.562.200
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Nam Long Phát	13.354.838.395	13.354.838.395	22.041.494.189	22.041.494.189
- Forward International LTD	-	-	964.709.000	964.709.000
- Long Fat Global Co., LTD	-	-	2.398.499.034	2.398.499.034
- Novatic Chem Co., Ltd	59.702.552.220	59.702.552.220	117.449.252.700	117.449.252.700
- Jiangsu Sinamyang International Group Co.,Ltd	20.706.801.200	20.706.801.200	8.624.963.380	8.624.963.380
- Công ty TNHH UPL Việt Nam	626.860.500	626.860.500	3.897.326.685	3.897.326.685
- Chi nhánh I - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhật Tiến	5.723.131.779	5.723.131.779	9.232.922.339	9.232.922.339
- Yongnong Biosciences Co.,Ltd	3.322.247.040	3.322.247.040	1.710.905.600	1.710.905.600
- Ancom Crop Care SDN BHD	1.737.595.125	1.737.595.125	2.285.662.950	2.285.662.950
- Công ty CP Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	-	-	1.613.865.640	1.613.865.640
- Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	692.444.711	692.444.711
- Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	1.864.943.534	1.864.943.534
- Phải trả các đối tượng khác	50.267.481.506	50.267.481.506	73.038.097.266	73.038.097.266
	<b>185.689.935.317</b>	<b>185.689.935.317</b>	<b>282.457.089.435</b>	<b>282.457.089.435</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem chi tiết tại thuyết minh số 41)	176.047.215	176.047.215	11.208.944	11.208.944

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		CLTG do chuyển đổi BCTC		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	386.685.605	26.427.542.132	26.288.318.365	(1.368.081)	-	524.541.291	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	955.294.480	955.294.480	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	879.127.525	14.582.265.449	10.395.775.896	(2.146.132)	-	5.063.470.946	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	116.525.844	418.533.061	3.904.825.224	3.639.137.528	(6.372.133)	111.079.561	672.402.341	-	-	-	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	1.924.000	2.778.729.042	2.780.653.042	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	139.782.494	67.303.183	(1.207.103)	-	71.272.208	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>116.525.844</b>	<b>1.686.270.191</b>	<b>48.800.438.821</b>	<b>44.138.482.494</b>	<b>(11.093.449)</b>	<b>111.079.561</b>	<b>6.331.686.786</b>							

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	221.575.160	122.132.259
- Trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi	4.197.585.553	-
	<b>4.419.160.713</b>	<b>122.132.259</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	145.765.018	78.700.546
- Kinh phí công đoàn	211.604.084	420.154.989
- Bảo hiểm xã hội	44.817.711	515.217.629
- Phải trả về các chương trình bán hàng	4.676.839.667	4.171.482.091
- Phải trả lãi ký quỹ	151.031.762	284.304.641
- Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển, thanh toán	256.521.730	35.967.399
- Phải trả chiết khấu thanh toán	1.244.164.918	266.280.665
- Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	230.599.358	581.627.307
- Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	3.038.756.163	1.820.826.941
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	934.396.650	732.555.250
- Shopping Center Kiến Tường	65.091.456	2.225.055.329
- Phạm Minh Tuấn	-	1.109.391.260
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.665.300.654	2.089.307.121
	<b>12.664.889.171</b>	<b>14.330.871.168</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.830.554.000	3.429.254.000
	<b>2.830.554.000</b>	<b>3.429.254.000</b>
<b>d) Phải trả khác là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	<b>430.026.089</b>	<b>2.642.493.647</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>156.519.901.947</b>	<b>156.519.901.947</b>	<b>403.823.919.457</b>	<b>435.623.326.456</b>	<b>124.720.494.948</b>	<b>124.720.494.948</b>
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC <sup>(1)</sup>	-	-	23.284.647.950	15.678.678.350	7.605.969.600	7.605.969.600
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup>	41.587.780.000	41.587.780.000	101.235.758.377	93.674.051.657	49.149.486.720	49.149.486.720
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 thành phố Hồ Chí Minh <sup>(3)</sup>	34.035.392.400	34.035.392.400	110.787.760.210	104.879.959.610	39.943.193.000	39.943.193.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(4)</sup>	46.706.628.968	46.706.628.968	32.709.366.100	72.702.606.468	6.713.388.600	6.713.388.600
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Mộc Hóa - Chi nhánh Long An <sup>(5)</sup>	34.190.100.579	34.190.100.579	125.964.087.423	148.688.030.371	11.466.157.631	11.466.157.631
- Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh <sup>(6)</sup>	-	-	9.842.299.397	-	9.842.299.397	9.842.299.397
<b>Vay cá nhân<sup>(7)</sup></b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.462.229.409</b>	<b>2.462.229.409</b>	<b>1.966.469.996</b>	<b>2.646.249.409</b>	<b>1.782.449.996</b>	<b>1.782.449.996</b>
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh <sup>(8)</sup>	1.316.000.000	1.316.000.000	1.491.020.000	1.491.020.000	1.316.000.000	1.316.000.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam <sup>(9)</sup>	1.146.229.409	1.146.229.409	475.449.996	1.155.229.409	466.449.996	466.449.996
	<b>159.052.131.356</b>	<b>159.052.131.356</b>	<b>405.790.389.453</b>	<b>438.269.575.865</b>	<b>126.572.944.944</b>	<b>126.572.944.944</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>b) Vay dài hạn và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
<b>Vay dài hạn</b>	<b>8.050.000.000</b>	<b>8.050.000.000</b>	<b>1.166.640.000</b>	<b>1.491.020.000</b>	<b>7.725.620.000</b>	<b>7.725.620.000</b>
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh <sup>(8)</sup>	8.050.000.000	8.050.000.000	1.166.640.000	1.491.020.000	7.725.620.000	7.725.620.000
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>2.671.191.845</b>	<b>2.671.191.845</b>	-	<b>1.155.229.409</b>	<b>1.515.962.436</b>	<b>1.515.962.436</b>
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam <sup>(9)</sup>	2.671.191.845	2.671.191.845	-	1.155.229.409	1.515.962.436	1.515.962.436
	<b>10.721.191.845</b>	<b>10.721.191.845</b>	<b>1.166.640.000</b>	<b>2.646.249.409</b>	<b>9.241.582.436</b>	<b>9.241.582.436</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.462.229.409)	(2.462.229.409)	(1.966.469.996)	(2.646.249.409)	(1.782.449.996)	(1.782.449.996)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>8.258.962.436</b>	<b>8.258.962.436</b>			<b>7.459.132.440</b>	<b>7.459.132.440</b>

**c) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Mối quan hệ VND	Góc VND	Lãi VND	Góc VND
- Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc Công ty	54.000.000	-	54.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 152626 ngày 18 tháng 5 năm 2018 với các điều khoản chi tiết sau:

- Tổng hạn mức tiện ích là 7.000.000 USD và 1.350.000.000 đồng;
- Mục đích vay: tài trợ tiện ích nhập khẩu và thẻ tín dụng HSBC;
- Lãi suất cho vay: theo từng khoản vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 7.605.969.600 VND.
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp hàng tồn kho tại từng thời điểm theo hợp đồng VNM 091059/MS sửa đổi lần thứ 4 ngày 02/12/2014 và cầm cố tiền gửi theo hợp đồng cầm cố số VNM 110716/DUL.

(2) Hợp đồng tín dụng số 700-LAV-201801577 ngày 24/10/2018 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ;
- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 49.149.486.720 VND.
- Hình thức đảm bảo: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 1700-LCL-201500653-01 ngày 12/10/2016. Giá trị tài sản là 89.820.000.000 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 266/2018-HĐCVHM/NHCT902-SPC ngày 24/12/2018 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ;
- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 39.943.193.000 VND.
- Hình thức đảm bảo: quyền tài sản theo hợp đồng số 172/2015-HĐTC/NHCT902-SPC ngày 30/09/2015; quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 025/2014/HĐTC-KHDN ngày 07/05/2014; quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 101/2013-HĐTC-KHDN;

(4) Văn bản số 846/2019/5778006/HĐTD ngày 27 tháng 05 năm 2019 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 383/2014/5778006/HĐ ngày 28/04/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C;
- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ;
- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 6.713.388.600 VND.
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;

(5) Hợp đồng cho vay hạn mức số 1967/2019-HĐCVHM/NHCT700 - MJC ngày 07/06/2019 và Phụ lục I Hợp đồng, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 45.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 1867/2018-HĐCVHM/NHCT700-MJC ngày 07/08/2018 theo liệt kê chi tiết tại Phụ lục I Hợp đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng xăng dầu, bách hóa tổng hợp, vật tư nông nghiệp;
- Thời hạn cho vay: Theo từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không 06 tháng đối với cho vay kinh doanh vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc BVTV) và 03 tháng đối với cho vay kinh doanh xăng dầu, bách hóa;



## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11.466.157.631 VND;
- Hình thức đảm bảo:
  - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 862262, số vào sổ cấp giấy: T 000013 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 21/05/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 21/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 12/05/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.01/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.01.BBĐGL ngày 03/06/2019;
  - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 862263, số vào sổ cấp giấy: T 000010 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 21/05/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 22/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 12/05/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.02/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.02.BBĐGL ngày 03/06/2019;
  - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 862395, số vào sổ cấp giấy: T 00007QSĐĐ/1201-LA do UBND tỉnh Long An cấp ngày 01/02/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà kho số 19/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 12/05/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.03/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018;
  - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065297, số vào sổ cấp giấy: T 000001 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2005 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 05/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 25/01/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.04/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.04.BBĐGL ngày 03/06/2019;
  - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 111029, số vào sổ cấp giấy: CT 04146 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 22/02/2011 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.053/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.05.BBĐGL ngày 03/06/2019;
  - + Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004023 do Công An tỉnh Long An cấp ngày 24/07/2009, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2400/ĐK do sở GTVT tỉnh Long An cấp ngày 25/03/2010, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2401/ĐK do sở GTVT tỉnh Long An cấp ngày 28/05/2010 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 1867.06/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018.

(6) Hợp đồng tín dụng số HDTD.010/SCB.HCM/2019 ngày 02/08/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 4.000.000 USD;
- Mục đích vay: Cung cấp tài chính cho việc mua hoặc nhập khẩu hàng hóa cần thiết cho hoạt động kinh doanh thông thường, bảo lãnh mở L/C;
- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ;
- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp hàng tồn kho với giá trị ít nhất bằng 2.000.000 USD và hợp đồng các khoản phải thu với giá trị ít nhất bằng 2.000.000 USD;
- Số dư tại ngày 31/12/2019: 9.842.299.397 VND.

(7) Khoản vay các cá nhân có lãi suất 08%/năm, hình thức đảm bảo: tín chấp.

030  
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN  
HỒ CHÍ MINH  
C.T.P. SÀI GÒN  
MINH

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

### Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

#### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(8) Hợp đồng tín dụng 1700-LAV-201701181 ngày 28/08/2017 (kèm theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 ngày 06/12/2018 gia hạn thời gian giải ngân vốn cho vay đến hết ngày 28/02/2019) với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 11.700.000.000 đồng;
- Mục đích vay: xây dựng kho thành phẩm 36m x 78m tại lô C1-C3, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 7.725.620.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 1.316.000.000 VND.
- Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành trong tương lai theo hợp đồng số 1700-LCL-201701010 ngày 28/08/2017. Giá trị tài sản là 16.770.000.000 đồng.

#### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

(9) Hợp đồng cho thuê tài chính số 2018-00012-000 ngày 23/02/2018 với các điều khoản chi tiết sau:

- Bên cho thuê: Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam;
- Tài sản thuê: xe Ford Ranger 4x2 XLS MT;
- Tổng giá trị hợp đồng: 3.322.350.000 đồng;
- Thời hạn thanh toán: thanh toán theo lịch trả nợ;
- Số dư tại ngày 31/12/2019 là: 1.515.962.436 đồng, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 466.449.996 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng		
Số dư đầu năm trước (Đã điều chỉnh)	105.300.000.000	782.715.818	8.455.532.463	27.548.934.866	49.951.830.726	9.894.133.241	201.933.147.114		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	39.211.647.437	346.277.429	39.557.924.866		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.206.470.000)	-	(18.206.470.000)		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.123.614.414	(7.123.614.414)	-	(7.063.767.053)		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.063.767.053)	-	(7.063.767.053)		
Hợp nhất kinh doanh	-	-	(988.210.475)	(68.701.031)	1.644.849.198	(1.671.659.839)	(1.083.722.147)		
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(583.799.999)	-	(583.799.999)		
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-	1.813.387.801	-	-	-	1.813.387.801		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>105.300.000.000</b>	<b>782.715.818</b>	<b>9.280.709.789</b>	<b>34.603.848.249</b>	<b>57.830.675.895</b>	<b>8.664.262.504</b>	<b>216.462.212.255</b>		
Số dư đầu năm nay (Đã điều chỉnh)	105.300.000.000	782.715.818	9.280.709.789	34.603.848.249	57.830.675.895	8.664.262.504	216.462.212.255		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	38.705.186.621	939.419.050	39.644.605.671		
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(17.901.000.000)	-	(17.901.000.000)		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.562.703.655	(7.569.540.047)	6.836.392	(7.569.540.047)		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.569.540.047)	-	(601.800.000)		
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(601.800.000)	-	(601.800.000)		
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-	1.252.318.062	-	-	-	1.252.318.062		
Điều chỉnh khác	-	-	(149.773.725)	-	(1.754.601.234)	1.043.954.588	(860.420.371)		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>105.300.000.000</b>	<b>782.715.818</b>	<b>10.383.254.126</b>	<b>42.166.551.904</b>	<b>61.139.381.188</b>	<b>10.654.472.534</b>	<b>230.426.375.570</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019 tại Công ty mẹ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019 tại Công ty con, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tại Công ty mẹ		Tại Công ty con	
	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	37.890.369.702	100,00%	261.761.068
Trích Quỹ đầu tư phát triển	19,93%	7.551.673.940	6,83%	17.866.107
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19,93%	7.551.673.940	6,83%	17.866.107
Chia cổ tức	47,24%	17.901.000.000	0,00%	-
Thù lao từ HĐQT và Ban kiểm soát	1,30%	492.000.000	41,95%	109.800.000
Lợi nhuận chưa phân phối	11,60%	4.394.021.822	44,40%	116.228.854

  

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
	- Vốn góp của Công ty mẹ - Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - Công ty TNHH MTV	59,33%	62.470.000.000	59,33%
- Các cổ đông khác	40,67%	42.830.000.000	40,67%	42.830.000.000
	<b>100%</b>	<b>105.300.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>105.300.000.000</b>

  

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2019 VND		Năm 2018 VND	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	105.300.000.000	105.300.000.000	105.300.000.000
- Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000	105.300.000.000	105.300.000.000
- Vốn góp cuối năm	105.300.000.000	105.300.000.000	105.300.000.000	105.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	732.555.250	938.157.000		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.901.000.000	17.901.000.000		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(17.699.158.600)	(18.106.601.750)		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.699.158.600)	(18.106.601.750)		
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	934.396.650	732.555.250		

  

d) Cổ phiếu	31/12/2019	01/01/2019
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận  
 Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**đ) Cổ tức**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	7.371.000.000	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	7.371.000.000	-
	<b>7.371.000.000</b>	<b>-</b>

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	42.166.551.904	34.603.848.249
	<b>42.166.551.904</b>	<b>34.603.848.249</b>

**22 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.280.709.789	8.455.532.463
Số tăng trong năm	1.102.544.337	825.177.326
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	1.102.544.337	825.177.326
Số dư cuối năm	10.383.254.126	9.280.709.789
	<b>10.383.254.126</b>	<b>9.280.709.789</b>

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.074.272.734	1.094.968.192
- Trên 1 năm đến 5 năm	586.363.640	1.508.181.828
	<b>1.660.636.374</b>	<b>2.603.150.020</b>

**b) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản là văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.118.181.818	1.732.690.909
- Trên 1 năm đến 5 năm	1.552.545.455	889.500.000
	<b>2.670.727.273</b>	<b>2.622.190.909</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

### Tài sản thuê ngoài (tiếp theo)

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại các địa điểm sau:

- Hợp đồng thuê đất tại phường Tân Thuận Đông, Quận 7 để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho hàng và trạm xử lý chất thải. Diện tích khu đất thuê là 16.754 m<sup>2</sup>. Đối với diện tích 15.496 m<sup>2</sup> không thuộc phạm vi lô giới, thời hạn thuê kể từ ngày 25/07/2000 đến ngày 01/01/2046; đối với diện tích 1.258 m<sup>2</sup> thuộc phạm vi lô giới, thời hạn thuê kể từ ngày 25/07/2000 cho đến khi Nhà nước thực hiện mở rộng đường theo quy hoạch. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại thành phố Pleiku để sử dụng với mục đích xây dựng Trung tâm điều hành siêu thị nông nghiệp với thời hạn 50 năm kể từ ngày 24/11/2015. Diện tích khu đất thuê là 10.690 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một hoặc hai lần mỗi năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại thành phố Cần Thơ để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng phân phối nông dược với thời hạn thuê kể từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 01/10/2045. Diện tích khu đất thuê là 3.640,5 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất Hiệp Phước với diện tích 42.123 m<sup>2</sup> thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2005. Tiền thuê đất trả trước một lần vào thời điểm thuê.

- Hợp đồng thuê nhà ở và bãi đậu xe số 01.2019/HĐ.THUE ngày 06/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (bên thuê) và Bà Huỳnh Thị Huệ (bên cho thuê). Theo đó bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê nhà ở và đất để làm bãi đậu xe, địa chỉ Khu phố 3, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Thời hạn thuê từ ngày 20/01/2019 đến hết ngày 19/01/2020. Tổng diện tích là 250 m<sup>2</sup>. Giá thuê cố định 84.000.000 đồng/năm. Thanh toán 100% số tiền thuê sau khi hoàn tất các thủ tục bàn giao.

- Hợp đồng thuê kho số 91/HĐTMB - MJC ngày 01/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (bên thuê) và Bà Huỳnh Thị Ánh (bên cho thuê) và phụ lục hợp đồng thuê kho số 234 PLHĐTK - MJC ngày 29/08/2019. Theo đó bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê kho để làm kho chứa các sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật và làm văn phòng, địa chỉ: Quốc lộ 62, khu phố 6, phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Thời hạn cho thuê từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2021. Tổng diện tích là 172 m<sup>2</sup>. Đơn giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Thanh toán 2 đợt: đợt 1 vào ngày 01/01 hàng năm; đợt 2 vào ngày 01/07 hàng năm.

- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-2019/HDTN/SPC-CBD/PP ngày 01/01/2019 tại căn nhà Villa, Số 225GB, phố 3, đường Vi Thyelay, phường Chrouy Changwa, thủ đô Phnom Penh, Cambodia. Theo hợp đồng thuê này, Công ty phải trả tiền thuê văn phòng hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng.

### c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	257.442,48	366.546,20

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty TNHH Vinh Hiền	21.224.845	21.224.845
- Hợp tác xã Thịnh Phát	26.018.647	26.018.647
- Cửa hàng Văn Xinh	66.238.251	66.238.251
- Ông Trần Hoàng Nam	26.000.000	26.000.000
- Ông Giang Minh Tường	17.147.520	17.147.520
- Ông Đinh Đoàn Đơn Vương	12.975.674	12.975.674
- Ông Lê Thanh Tùng	12.339.549	12.339.549
- Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Minh Trí	21.889.448	21.889.448
- Các đối tượng khác	673.359.001	464.790.627

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng này không còn tài sản để thu hồi.

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.258.388.626.664	1.272.128.494.373
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.002.976.141	3.305.675.629
	<b>1.263.391.602.805</b>	<b>1.275.434.170.002</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	<b>2.009.732.195</b>	<b>1.809.754.636</b>

**25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	25.081.009.067	23.077.894.118
Hàng bán bị trả lại	1.137.120.880	10.374.711.161
Giảm giá hàng bán	2.770.804.641	846.278.532
	<b>28.988.934.588</b>	<b>34.298.883.811</b>

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	971.948.588.716	1.028.869.731.538
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	25.903.126	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.973.238.962	1.893.114.772
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.590.178.409)	(10.277.799.427)
	<b>974.357.552.395</b>	<b>1.020.485.046.883</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	990.672.998	351.575.104
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	153.559.904	619.060.573
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.916.376.065	3.055.426.183
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.080.824.016	1.927.211.848
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.535.236	106.477.580
	<b><u>5.157.968.219</u></b>	<b><u>6.059.751.288</u></b>

**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay và thuê tài chính	8.002.103.890	8.299.275.050
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	17.571.334.833	7.560.973.171
Lãi nhận ký quỹ, ký cược	138.611.479	166.088.111
Kết quả kinh doanh BCC	(35.378.081)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.456.269.306	9.771.454.560
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.249.128.032	912.842.396
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(126.446.280)
Chi phí tài chính khác	-	60.583.325
	<b><u>31.382.069.459</u></b>	<b><u>26.644.770.333</u></b>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.423.070.362	15.246.694.840
Chi phí nhân công	69.641.563.904	62.829.074.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.442.492.020	1.164.947.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.048.373.402	22.303.036.291
Chi phí khác bằng tiền	41.512.436.306	24.405.421.151
	<b><u>158.067.935.994</u></b>	<b><u>125.949.174.745</u></b>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.475.407.425	1.841.035.845
Chi phí nhân công	13.948.037.222	13.808.001.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	632.024.737	1.282.679.453
Thuế, phí, lệ phí	446.771.700	429.318.903
(Hoàn nhập) / Chi phí dự phòng	(474.642.437)	2.120.537.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.470.022.989	4.908.678.042
Chi phí khác bằng tiền	10.276.269.485	7.325.397.012
	<b><u>31.773.891.121</u></b>	<b><u>31.715.648.128</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	79.237.861	222.716.493
Thu nhập từ chiết khấu thương mại	379.442.010	633.533.563
Thu nhập từ bán phuy	4.965.909.098	5.065.454.550
Thu nhập bán phế liệu	58.508.640	-
Thu nhập cho thuê kho bãi	2.247.045.297	1.815.889.673
Thu tiền bồi thường di dời Trạm xăng dầu số 01	-	63.636.364
Thu nhập khác	1.581.266.468	1.020.165.374
	<b>9.311.409.374</b>	<b>8.821.396.017</b>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	755.893.568
Chi phí xử lý, tiêu hủy sản phẩm hư hỏng, kém phẩm chất	975.025.404	-
Các khoản bị phạt	423.325.338	158.086.941
Chi phí khác	187.714.468	130.753.674
	<b>1.586.065.210</b>	<b>1.044.734.183</b>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	10.631.344.529	7.291.802.661
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) Công ty con	3.950.920.920	2.841.839.713
- Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Cambodia	3.281.801.692	2.738.659.386
- Công ty CP Thương mại Mộc Hóa	669.119.228	103.180.327
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>14.582.265.449</b>	<b>10.133.642.374</b>

**34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	616.291.296	1.462.403.898
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(616.291.296)	(1.462.403.898)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.373.097.189	8.030.902.634
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(616.291.296)	(1.462.403.898)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>4.756.805.893</b>	<b>6.568.498.736</b>

3006

CÔNG  
CỔ P  
VỆ T  
SÀI G

-TR.H

1105-6

NHÀ  
G TY T  
KIỂM  
AASC

TP.HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	497.995.459	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.462.403.898	1.503.795.358
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	(616.291.296)	(1.018.303.374)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.866.447.550)	-
	<u>(2.522.339.489)</u>	<u>485.491.984</u>

**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	38.705.186.621	39.211.647.437
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	38.705.186.621	39.211.647.437
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.530.000	10.530.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u><b>3.676</b></u>	<u><b>3.724</b></u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	686.647.267.794	969.769.526.540
Chi phí nhân công	99.113.338.032	94.523.519.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.670.715.932	6.640.757.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.533.844.498	35.269.255.640
Chi phí khác bằng tiền	63.265.623.591	43.477.214.762
	<u><b>891.230.789.847</b></u>	<u><b>1.149.680.273.949</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.167.925.580	-	62.463.771.738	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	174.675.241.010	(28.754.485.198)	208.762.514.539	(29.439.776.234)
	<u>220.843.166.590</u>	<u>(28.754.485.198)</u>	<u>271.226.286.277</u>	<u>(29.439.776.234)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			134.032.077.384	167.311.093.792
Phải trả người bán, phải trả khác			201.185.378.488	300.217.214.603
Chi phí phải trả			4.419.160.713	122.132.259
			<u>339.636.616.585</u>	<u>467.650.440.654</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận  
 Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.167.925.580	-	-	46.167.925.580
Phải thu khách hàng, phải thu khác	144.573.084.812	1.347.671.000	-	145.920.755.812
	<u>190.741.010.392</u>	<u>1.347.671.000</u>	<u>-</u>	<u>192.088.681.392</u>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.463.771.738	-	-	62.463.771.738
Phải thu khách hàng, phải thu khác	177.030.167.440	2.292.570.865	-	179.322.738.305
	<u>239.493.939.178</u>	<u>2.292.570.865</u>	<u>-</u>	<u>241.786.510.043</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Vay và nợ	126.572.944.944	7.459.132.440	-	134.032.077.384
Phải trả người bán, phải trả khác	198.354.824.488	2.830.554.000	-	201.185.378.488
Chi phí phải trả	4.419.160.713	-	-	4.419.160.713
	<u>329.346.930.145</u>	<u>10.289.686.440</u>	<u>-</u>	<u>339.636.616.585</u>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	159.052.131.356	8.258.962.436	-	167.311.093.792
Phải trả người bán, phải trả khác	296.787.960.603	3.429.254.000	-	300.217.214.603
Chi phí phải trả	122.132.259	-	-	122.132.259
	<u>455.962.224.218</u>	<u>11.688.216.436</u>	<u>-</u>	<u>467.650.440.654</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**38 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	404.990.559.457	671.046.933.149

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(438.269.575.865)	(576.475.628.645)

**39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết số 02/NQ-BVTVSG-HDQT ngày 24/02/2020, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 với tỷ lệ 7% (700 đồng/ 1 cổ phần). Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 13/03/2020, ngày thanh toán là ngày 13/04/2020.

Ngoài các sự kiện đã được công bố trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

300  
CỔ  
CỔ  
0 VP  
SÀI  
7-T  
10011T  
CHI  
CÔNG  
HÃNG  
QUẬN 4-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quy, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam VND	Cambodia VND	Lào VND	Các quốc gia khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	974.846.097.113	254.161.857.227	5.394.713.877	8.458.094.588	1.234.402.668.217
Tài sản bộ phận	540.800.832.882	60.859.069.815	8.339.753.409	-	609.999.656.106
Tổng chi phí mua TSCĐ	4.211.542.640	1.558.058.113	-	-	5.769.600.753

1632  
NG  
PH  
TH  
47  
G  
P. HỒ  
105-004  
NHÂN  
TY TNHH  
KIỂM TR  
ASC  
P. HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
- Shopping Centre Kiến Tường	Bên liên doanh
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh
- Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<b>Chi trả cổ tức</b>	<b>10.619.934.000</b>	<b>4.372.914.000</b>
- Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	10.619.934.000	4.372.914.000
<b>Bán hàng</b>	<b>2.009.732.195</b>	<b>1.809.754.636</b>
- Shopping Centre Kiến Tường	1.988.191.077	1.809.754.636
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	21.541.118	-
<b>Mua hàng</b>	-	<b>143.110.129</b>
- Shopping Centre Kiến Tường	-	143.110.129
<b>Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>5.892.117</b>	<b>218.152.942</b>
- Shopping Centre Kiến Tường	5.089.117	218.152.942
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	803.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>176.047.215</b>	<b>11.208.944</b>
- Shopping Centre Kiến Tường	176.047.215	11.208.944
<b>Phải trả khác</b>	<b>430.026.089</b>	<b>2.642.493.647</b>
- Shopping Centre Kiến Tường	65.091.456	2.225.055.329
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	364.934.633	417.438.318

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.650.852.963	1.986.485.575
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	192.000.000	192.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận  
Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**42 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay, chi tiết như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên</u> <u>báo cáo năm trước</u> VND
<b>a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất</b>			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	190.221.167.378	188.196.099.178
Tài sản cố định hữu hình	221	32.640.610.824	20.279.022.141
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	1.001.526.796	15.388.183.679
Lợi thế thương mại	269	-	3.311.389.551
Thặng dư vốn cổ phần	412	782.715.818	1.589.597.706
Quỹ đầu tư phát triển	418	34.603.848.249	39.512.727.596
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	57.830.675.895	55.426.304.211
<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.715.648.128	32.129.571.822
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	50.177.059.224	49.763.135.530
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	39.211.647.437	38.797.723.743
<b>c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	50.177.059.224	49.763.135.530
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.231.372.376	6.645.296.070
<b>d) Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</b>			
Dự phòng nợ phải thu khó đòi - phải thu ngắn hạn khác	6	(3.411.181.985)	(3.334.767.404)

Thuyết minh số



*[Signature]*  
Bùi Thị Diễm Phúc  
Người lập

*[Signature]*  
Bùi Thị Ánh Tuyết  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
Nguyễn Quốc Dũng  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020



